

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 12

Thứ tư là môn Pháp tánh dung thông: Nghĩa là Chân như đã gồm đủ hơn cả hằng hà sa số đức, thì đối tượng được dấy khởi là Sự cũng có đủ vô tận đức. Do Pháp tánh đích thực luôn dung thông các Sự nên không hề bị ngăn ngại. Văn của phần này gồm hai: Nêu tổng quát. Giải thích riêng. Trong phần nêu tổng quát được phân làm hai: Một là phân biệt rõ trong chỗ chẳng phải. Nghĩa là, Lý, Sự cùng tiến hành ngang nhau, thì chẳng đạt được Sự Sự vô ngại. Cho nên biết có chỗ cho rằng: “Núi Tu Di to lớn chẳng có cái nhỏ nhoi. Xưa nay vốn không. Đem cái không thâm nạp cái “chẳng có” thì nơi nào chẳng cùng dung chứa.” Đây là nói về chỗ chưa tương xứng.

- Số từ câu: “Nay thì Lý, Sự dung thông” tiếp xuống: Là phần hai, hiển bày cái đúng. Phần này cũng gồm hai:

Một: Nêu ra.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là, chẳng khác với một Sự của Lý”: Tiếp xuống: Là chỉ rõ riêng về tướng. Được phân làm bốn đoạn:

Thứ nhất: Biện minh theo hướng thuận. Do tất cả các pháp đều dựa nơi Lý, không hề lìa Lý. Nay một Sự thâm tóm hoàn toàn nơi Lý nên mang theo luôn tất cả Sự hội nhập vào trong một Sự.

Thứ hai: Từ câu: “Nếu trong một thâm tóm Lý không hết” tiếp xuống: Là xác lập ngược lại. Tức là, nếu thâm tóm Lý không hết, thì chân Lý có thể phân chia, tất có lỗi của một Lý, hai Lý do đến nhiều Lý. Nay chân Lý là an nhiên, bất động, nên chẳng thể phân chia, vì là bình đẳng một vị, nên không có hai Lý, như để ngăn chặn lỗi ấy, tức là thâm tóm Lý hết. Mà nhiều Sự kia chẳng nhập nơi một Sự, thì Sự của trường hợp chẳng nhập ấy ở nơi ngoài Lý liền khiến Lý xa lìa nơi Sự, nhưng tự nhập vào trong một Sự. Sự xa lìa nơi Lý chẳng tới ở chung một Sự. Tuy nhiên, lìa Lý có Sự, thì Sự thành định tánh. Lìa Sự có Lý thì Lý



đồng với đoạn diệt. Lỗi cũng trở nên sâu xa.

Thứ ba: Từ câu: “Nay đã cho, ở trong một Sự” tiếp xuống: Là tóm kết, nêu rõ nghĩa chính. Đã lia bỏ lỗi của việc có thể phân chia, nên thâu tóm hoàn toàn Lý tận cùng. Lại không có lỗi của trường hợp Lý Sự lia nhau, nên Sự theo Lý mà hiện bày tức thì ở trong một Sự.

Thứ tư: Từ câu: “Phẩm Hoa Tạng” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Có thể nhận biết.

- Sớ câu: “Đây tức là ý chung. Về riêng thì cũng có đủ mười Huyền môn”: Là phần thứ hai, biện minh riêng. Phần này gồm hai:

Một: Tóm kết phần trước, nêu lên phần sau.

Hai: Từ câu: “Một đã cho chân Lý, cùng với tất cả các pháp” tiếp xuống là chính thức hiển bày tướng riêng. “nghĩa của mười môn, đều dựa nơi đức riêng của Chơn như mà lập” tiếp xuống: Là hồi hương thứ tám, nêu rõ chân như gồm đủ Đức của một trăm môn. Nay lược nêu mười bốn thứ đức, tạo thành mười Huyền môn.

Một: Ví như Chân như cùng với tất cả các pháp cùng tương ứng. Chẳng hề lia bỏ, thì Đức ấy thành môn thứ nhất: Đồng thời cụ túc tương ứng.

Hai: Ví như Chân như tánh luôn bình đẳng nên rộng (Quảng), lại Chân như thâu tóm khắp các pháp, nên hẹp (Hiệp). Hai Đức ấy làm thành môn thứ hai: Quảng hiệp tự tại vô ngại.

Ba: Không nơi nào là không hiển có. Đức ấy tạo thành môn thứ ba: Nhất đa tương dung bất đồng.

Bốn: Ví như Chân như chẳng lia các pháp, cùng với hết thảy các pháp đồng một Thể tánh, thì hai Đức ấy thành môn thứ tư: Chư pháp tương tức tự tại.

Năm: Ví như Chân như không có phân chia giới hạn, cùng luôn giữ lấy bản tánh, thì hai Đức ấy thành môn thứ năm: Bí mật Ẩn hiển câu thành.

Sáu: Ví như Chân như thâu tóm khắp các pháp, thì Đức ấy làm thành môn thứ Sáu: Vi tế tương dung an lập.

Bảy: Rốt ráo đến vô tận, thì Đức ấy tạo thành môn thứ bảy: Nhân đà la võng cảnh giới.

Tám: Ví như Chân như cùng với hết thảy các pháp đồng một Thể tánh thì Đức ấy tạo thành môn thứ tám: “Thác sự hiển pháp sinh giải”.

Chín: Biến hiện khắp nơi ngày đêm, cùng biến hiện khắp ở năm tháng, kiếp số, thì hai Đức ấy làm thành môn thứ chín. Thập thế cách pháp dị thành.

Mười: Tánh luôn tùy thuận, cùng với tất cả các pháp thường tương ứng, thì hai Đức ấy tạo thành môn thứ mười: Chủ bạn viên minh cụ đức.

Trong phần Số giải, đã ngầm lấy ý nơi kinh, do văn của kinh đối với số thì hoàn toàn không có sai sót. Giả như có chỗ không nêu đủ văn của kinh, thì ý cũng có đủ. Nơi văn, trước là biện minh riêng về mười môn, sau, câu: “Cho nên một Lý dung thông đủ mười môn” Là tóm kết. Văn đều có thể nhận biết.

Thứ năm là môn pháp như Huyền, Mộng: Phần này gồm hai: Trước nói về Huyền. Sau nêu về Mộng.

Nơi phần nói về Huyền, thì trước là nêu Dụ. Sau là kết hợp. Phần trước gồm hai: Một là chính thức giải thích. Hai: Từ câu: “Kinh nêu rõ” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Đây tức là kinh Hoa Nghiêm, bản dịch vào đời Tấn, phẩm Hiền Thủ (Câu: “Hoặc hiện phút chốc làm trăm năm” Hoặc hiện tu du tức bách niên đặng) Chữ đặng là chỉ cho câu tiếp theo: “Sức huyền tự tại vui thế gian”. Bản dịch vào đời Đường viết:

*“Ví như Huyền sự rõ pháp Huyền  
Hiện ra vô lượng đủ loại Sự  
Phút chốc làm rõ ngày tháng năm  
Thành ấp đông đúc, sống an lạc...”*

Phẩm Phổ Hiền Hạnh có đoạn:

*“Ví như nhà ảo thuật  
Hiện ra đủ loại việc  
Chỗ tại không từ đâu  
Đi cũng không chốn tới  
Tánh Huyền không có lượng  
Cũng lại phi vô lượng  
Ở trong đại chúng kia  
Hiện rõ lượng, vô lượng.”*

Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi hai: “Phật Tử! Ví như nhà ảo thuật trì chú thành tựu, có thể hiện ra vô số các thứ hình tướng sai biệt. Chú cùng với Huyền khác nhau mà có thể tạo ra Sự Huyền. Chú chỉ là âm thanh mà có thể Huyền tạo đối tượng nhận thức vô số các sắc v.v” của Nhãn thức Phẩm Thập Nhãn có đoạn: “Ví như Huyền, chẳng phải là voi, chẳng phải là ngựa, chẳng phải là xe, chẳng phải là đi bộ, chẳng phải là nam, nữ chẳng phải là đồng nam đồng nữ...” cho đến đoạn: “Chẳng phải là một, chẳng phải là khác. Chẳng phải là rộng chẳng phải là hẹp, chẳng phải là nhiều, chẳng phải là ít. Chẳng phải là

lượng, chẳng phải là vô lượng, chẳng phải là thô, chẳng phải là tế... Vô số Sự vật chẳng phải là huyền việc sai khác..." Các phần văn như thế là khá nhiều.

- Số câu: "Tất cả các pháp, do nghiệp huyền tạo ra, nên một và khác không bị ngăn ngại": Là phần kết hợp. Phẩm Hoa Tạng nêu:

*"Như Huyền sư chú thuật  
Hiện ra vô số việc Chúng  
sinh do nghiệp lực  
Cõi nước, chẳng nghĩ bàn."*

Nên biết rõ Nghiệp tức dụ cho nhà ảo thuật. Lại như kệ của Trung Luận có câu:

*"Ví như người huyền hóa  
Lại tạo người huyền hóa  
Như người huyền hóa trước  
Đó được gọi là nghiệp  
Cái người huyền hóa tạo  
Đó là quả của nghiệp."*

Hoặc như phẩm Thập Nhẫn nói: "Phật tử! Bồ tát Ma-ha-tát ấy biết rõ hết thấy các pháp đều như huyền, từ nhân duyên sinh. Ở trong một pháp, lãnh hội nhiều pháp. Ở trong nhiều pháp, lãnh hội một pháp..." kệ rằng:

*"Chúng sinh vào cõi nước  
Mọi thứ từ nghiệp tạo Vào  
đấy như cõi huyền Nên  
dứt mọi nươg chấp."*

Lại nữa, kệ nói:

*"Các nghiệp từ tâm sinh  
Nên nói tâm như huyền  
Như lia phân biệt ấy  
Diệt khắp nẻo sinh tử."*

Đây là nhằm làm rõ về nghiệp tự nó như huyền.

Lại nói:

*"Độ thoát các chúng sinh  
Khiến rõ pháp như huyền  
Chúng sinh chẳng khác huyền  
Rõ huyền không chúng sinh..."*

Văn như thế chẳng phải là một.

- Số câu: "Nói như Mộng": Là phần sau nói về Mộng. Phần này

gồm hai: Một là nêu dụ. Hai là dẫn Luận để minh chứng. Cho nên ngay trong chỗ hợp với phần đầu, nói: “Chỗ nhận thấy rộng lớn, nhưng chia rời khỏi gối”. Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ sáu mươi, phần dụ về Mộng đạo chơi nơi thiên cung có đoạn: “Vị như có người ở trong chúng hội lớn, ngủ gà ngủ gật rồi ngủ say, hốt nhiên thành mộng, thấy chỗ ở của trời Đế Thích nơi đỉnh núi Tu di với thành lớn Thiện Kiến...” đến đoạn: “Người ấy tự thấy mình mặc y phục của chư thiên cõi trời này, nơi đó người ấy dừng nghỉ, bước đi, dạo khắp chốn. Mà tất cả những người trong chúng hội, tuy cùng ở một chỗ nhưng không biết, không thấy, vì sao? Là vì chỗ nhận thấy trong mộng của người ấy chẳng phải là chỗ đại chúng có thể thấy được.”

**Giải thích:** Cung trời rộng lớn há lia khỏi nơi chiếc gối đầu! Phần còn lại theo đây có thể nhận biết.

Người xưa có câu:

*“Tựa gối mộng xuân khoảnh chốc thôi  
Đã đến Giang Nam ngàn dặm rồi...”*

Phẩm Phổ Hiền Hạnh viết:

*“Thấu đạt mọi thế gian  
Giả danh, không có thật  
Chúng sinh cùng thế gian  
Như mộng, như bóng sáng  
Nơi các pháp thế gian  
Chẳng sinh thấy phân biệt  
Như người lia phân biệt  
Cũng chẳng thấy phân biệt  
Vô lượng, vô số kiếp  
Hiểu rõ tức một niệm  
Biết niệm cũng không niệm  
Thấy thế gian như thế  
Vô lượng các cõi nước  
Một niệm thấy vượt hết  
Trải qua vô số kiếp  
Chẳng lia nơi chốn gốc...”*

Tính chất tự tại như thế đều do như mộng. Cho nên Phẩm Thập Nhãn nói:

*“Vị như trong mộng thấy  
Vô số các tướng khác  
Thế gian cũng như vậy*

*Cùng mộng chẳng khác gì.”*

Lại nêu:

*“Ví như trong mộng thấy  
Các hình sắc ngắn dài...”*

Vấn như trên là khá nhiều. Đều do ngắn dài như nơi mộng, tức là không có ngắn dài, nên ngắn, dài chẳng bị ngắn ngại.

- Sở câu: “Cho nên luận viết: Nơi mộng là bao năm, tỉnh ra chỉ chốc lát...”: Là phần hai, dẫn chứng. Văn dẫn có tính chất kết hợp, tức chỗ dẫn là “Nhiếp Đại Thừa Luận Thích” quyển thứ sáu của Ngài Vô tánh. Chỉ nói “Như có Tụng nêu” thì đây là dẫn kinh...

Thứ sáu là môn pháp như ảnh, tượng: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Dẫn chứng.

Trong phần một căn cứ nơi dụ về ảnh tượng trong gương để làm rõ. Gương chẳng phải là hình ảnh. Hình ảnh chẳng phải là gương, nên không có công năng của gương. Ở đây chỉ lấy hình ảnh để so sánh với nghĩa rỗng lặng của tánh không. Nay, chọn lấy tính chất tự tại của tướng nhập, tương tức, nên nêu rõ tất cả các pháp gồm đủ cả hai nghĩa Gương và Hình ảnh. Văn nơi bản Sở giải tóm kết: “Như tấm gương cùng soi chiếu mà không hư hoại tướng gốc thì nơi mỗi mỗi pháp đều có cả tấm gương và hình ảnh.”

- Sở từ câu: “Phần sau của kinh nói” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn chứng. Tức là phẩm Thập Nhẫn. Đoạn Kinh ấy nêu: “Nhưng các chúng sinh biết ở chốn ấy có hình ảnh có hiện ra. Cũng biết ở chốn kia không có hình ảnh như thế. Vật xa vật gần, tuy đều hiện ra hình ảnh, nhưng ảnh chẳng theo vật mà có xa gần. Bồ tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy. Có thể nhận biết tự thân cùng với thân khác, tất cả đều là cảnh giới của Trí. Cho nên chẳng tạo ra hai kiến giải, cho là thân tự tha là riêng khác. Mà ở nơi quốc độ của chính mình, ở nơi quốc độ khác, mỗi mỗi sai biệt, trong một lúc đều hiện khắp.”

**Giải thích:** Nếu chẳng như hình ảnh thì sao có thể các nơi chốn trong một lúc tức thì hiện ra. Cho nên nêu từ “xa gần” ý là nhằm chọn lấy tính chất tự tại. Phần kệ có đoạn:

*“Ví như bóng trong nước  
Chẳng phải là trong, ngoài  
Bồ tát câu Bồ đề  
Hiểu đời chẳng phải đời.*

*Nơi đời chẳng trụ, xuất  
 Như ảnh hiện ở đời Nhập  
 nghĩa thâm diệu ấy Là  
 cấu thủy thấu triệt.  
 Tâm chẳng bỏ thế (nguyện) gốc  
 Đền trí tuệ chiếu khắp  
 Thế gian không cùng tận  
 Trí hội nhập ngang bằng.  
 Hóa độ khắp muôn loài  
 Khiến lìa bỏ tham chấp.”*

**Giải thích:** Chẳng thấu rõ như hình ảnh thì sao có thể hội nhập khắp thế gian vô biên?

Thứ bảy là môn nhân không giới hạn: Nghĩa là nhân nhiều, đức sâu xa, nên nhân quả tương xứng. Chỉ tu nhân của một duyên khởi, thì trong quả hãy còn vô ngại như duyên khởi, huống chi có nhân vô hạn, có biển hành vô biên đều tu tập đầy đủ ư! Huống gì lại mỗi một hành tự nó cũng vô tận, một môn từ bi tức có số lượng cõi Phật nhiều như vi trần, huống hồ là đối với các môn khác.

- Số câu: “Quán về Vô tánh v.v...”: Một là các quán đồng đẳng với gần, tức bốn quán đã nêu trước:

*Duy tâm sở hiện quán. Pháp  
 tánh dung thông quán. Như  
 huyễn mộng quán.  
 Như ảnh tượng quán.*

Gồm luôn quán duyên khởi, Vô tánh nên thấu gồm chung sáu cái trước. Trong khi tu nhân Bồ tát đều thực hiện các pháp quán ấy. Từ quán pháp duy tâm sở hiện, cho đến quán pháp như ảnh tượng, nên nói dùng sáu pháp quán đó bao quát hết thủy các pháp. Nghĩa là, hoặc nhiếp, hoặc tịnh, hoặc y báo, hoặc chánh báo, hoặc nhân hoặc quả, đồng loại, khác loại, là đối tượng được thấu tóm của pháp, thì đều dùng sáu pháp quán để xuyên suốt, khiến quả được thành tựu. Như ở nơi sáu quán luôn tự tại, vô ngại.

Kế là: Quán đồng đẳng với các nhân khác, đồng đẳng với đối tượng được nhận biết của Phật, với hành hóa của Phổ Hiền, ba đời, mười phương không cùng tận. Vô tận các nẻo nhân hiện có đều được thấu tóm nơi môn này. Cho nên viết là: “Bằng với vô lượng nhân thù thắng khác”. Đại nguyện hồi hướng gọi là tu tập về pháp giới thì cũng thông hợp bao quát các nhân quả pháp giới.



Câu: “Nay, như chỗ quả dấy khởi có đủ tính chất vô ngại ấy”, tức như chỗ quả đạt được do nhân từ trước.

- Số câu: “Thứ tám là môn: Sự chứng đắc của Phật là tận cùng”: Phần này gồm hai: Một là chính thức giải thích. Tức chỉ đạt được thành Phật là từ pháp nhĩ như thế, nên mới có được như thế. Hai, từ câu: “Kinh nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Nói “Công đức không thể so sánh” tức là công đức của Phật. Phẩm Phổ Hiền Hạnh viết:

*“Thế giới cùng Như Lai  
Vô số các danh hiệu  
Trải qua vô lượng kiếp  
Nêu bày cũng chẳng hết  
Huống hồ Trí tối thắng  
Pháp chư Phật ba đời  
Từ nơi pháp giới sinh  
Quả vị Phật sung mãn.”*

Là nhằm nêu rõ Đức dụng của Phật địa là chẳng thể nêu bày hết.

Lại, phần kệ tiếp dưới, nói:

*“Bậc Nhân sư Tử ấy  
Tu vô số hạnh Phật  
Thành tựu chánh Đẳng Giác  
Thị hiện mọi tự tại”.*

Đây cũng là nhằm làm rõ tính chất “nhân tròn quả đầy”, nên có được diệu dụng lớn lao như thế. Trước tức là Đức tướng. Còn đây là Nghiệp dụng.

- Số câu: “Thứ chín là môn: Diệu dụng của định là sâu xa”: Phần này cũng gồm hai: chính thức giải thích và dẫn chứng.

Câu: “pháp Định Hải Ấn v.v...” Tức như phần sau nơi quyển thứ sáu mươi mốt, kinh Hoa Nghiêm lược nói về một trăm môn Tam muội, cùng năm trăm pháp Tam muội nơi Trí Luận. Từ câu: “Phẩm Hiền Thủ nêu” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Mà nói “Vân vân” (đẳng. Trong câu: Nhập các tam muội như vi trần, mỗi mỗi phát sinh vô số định, mà số vi trần cũng chẳng tăng v.v... Nhập vi trần số chư Tam muội. Nhất nhất xuất sinh trần đẳng định. Nhi bỉ vi trần diệu bất tăng đẳng), có hai nghĩa:

Một: Chỉ cùng (đẳng) với kệ ấy là vẫn còn lại. Văn viết:

*“Nơi một hiện khắp cõi khó suy  
Trong một trần ấy có nhiều cõi*

*Hoặc là có Phật, hoặc không Phật  
Hoặc có tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh  
Hoặc là rộng lớn, hoặc nhỏ hẹp...”*

Tức là nêu bày tính chất tự tại của Tam muội.

Hai: Cùng (đẳng) với đoạn kinh khác. Tức tiếp phần kệ trước nêu:

*“Chúng sinh hình tướng đều chẳng đồng  
Nghệp tạo âm thanh cũng vô lượng  
Tất cả như thế đều được hiện Thân  
lực pháp Tam muội Hải Ấn.”*

Các đoạn văn nêu dẫn như trên, xuất xứ chẳng phải là một.

- Sở từ câu: “Do mười Nhân nêu trên” tiếp xuống: Là phần thứ ba (thuộc phần bàn về nguyên do của Đức, Dụng), tổng kết, nêu rõ chỗ thuộc về. Chính là tóm kết về tính chất “Chu biến hàm dung”. Do diệu Lý “Sự Sự Vô Ngại” nên đã dùng để thu gom ba môn trước (Ba môn trước là: Biện minh về chỗ nương tựa là Thể, Sự. Thu tóm để quy về chân thật. Làm sáng rõ tính chất vô ngại). Do đầy đủ là tính chất thu tóm, dung thông nơi biệt giáo Nhất thừa.

(Tác giả đã không bàn về Nhân, hay môn, thứ mười là “Tính chất giải thoát của thân thông”. Văn nơi bản Số giải là trang 517 chánh biến tri, cuối quyển hai: Từ câu “Mười là tính chất giải thoát của thân thông” đến câu: “Ở trong một trần tạo lập tất cả pháp Phật nơi ba đời”. Có phải do phần ẩn bỏ sót chăng? Nơi các đoạn trên, nếu có lược bớt phần nào, tác giả đều nói rõ. Người dịch ghi).

- Giáo Sở Bị Cơ: (Tính chất gồm thâu, khế hợp căn cơ của giáo pháp)

Môn này gồm hai phần chính: Một là nêu tổng quát. Hai là giải thích riêng. Trong phần một thì trước là nối tiếp phần trước để nêu lên đoạn tiếp theo. Sau là, từ câu: “Như biện minh về” tiếp xuống: Là căn cứ nơi pháp để phân biệt, xác định.

- Sở từ câu: “Nay, làm rõ một cách trực tiếp về đối tượng được gồm thâu” tiếp xuống: Là phần chính thứ hai, giải thích riêng. Được phân làm hai:

Một: Nêu lên hai môn (Đối tượng được gồm thâu gồm mười loại: Năm loại trước là phân biệt rõ chẳng phải rõ là căn cơ. Năm loại sau là làm rõ đối tượng được gồm thâu. Năm loại ấy là: (Chánh vi, Kiêm vi, Dẫn vi, Quyền vi và Viên vi).

Hai: Từ câu: “Trong phần trước” tiếp xuống: Là giải thích riêng

về tướng.

- Sở câu: “Theo âm thanh chấp giữ lấy nghĩa có năm đều lỗi lầm”: Tức là phần giải thích Luận Thập Địa (Sách “Thập địa Luận Sở” của đại sư Tuệ Viễn Đời Tùy?) (523-592) Văn trong phần tính chất giới hạn, sai khác. Luận viết: Một là chẳng có chánh tín, chỉ theo ngôn từ mà lãnh hội, không xứng hợp với Sự thật. Hai là, mất Sự dũng mãnh, chẳng thể bỏ tướng để hướng tới Lý thật. Ba là, lừa dối kẻ khác, do chính mình hiểu sai rồi giảng nói cho người khác. Bốn là, phỉ báng Phật, chỉ vì mình Lý giải sai lầm mà cho là Phật thuyết giảng. Năm là, xem thường giáo pháp, do Sự hiểu biết thiếu cận mà lại giảng giải chỗ ý nghĩa thâm diệu. Phần văn tiếp dưới sẽ giải thích đầy đủ.

- Sở từ câu: “Phần kinh tiếp theo nói: Giả như có Bồ tát” tiếp xuống: Là dẫn nơi phẩm Xuất Hiện, như trước đã nêu. Câu “Địa Ngục Thiên Tử...” là dẫn nơi phẩm Tùy Hảo. Câu: “Kiếp lửa của biển lớn...” Là thuộc phẩm Thập Địa. Cho nên phần kệ của phẩm ấy có câu:

*“Tuy ở trong kiếp lửa biển nước  
Gắng nhận pháp ấy ắt được nghe...”*

- Sở câu: “Theo chỗ chưa tỏ ngộ, hội nhập, nên gọi là “Kiêm vi”:  
Là thông tỏ đối với vấn nạn từ bên ngoài. Tức e có người nêu vấn nạn: “đã có Sự tăng trưởng của hạng “lãnh hội tức thì”, “Vượt xa tức khắc”, tức là hàng văn cơ tướng hợp. Vậy sao còn gọi là “Kiêm”? phần cần thông tỏ có thể nhận biết.

- Sở câu: “Do quả vị tốt bậc của Quyền giáo không thật có”: Tức như trong năm giáo, chỉ nơi Viên giáo thì Nhân Quả mới cùng có thật Sự. Bốn giáo trước, trong Nhân thì có, đến Quả thì đều là không, do tu tập Nhân quyền (phương tiện). Nếu hội nhập “Sau địa” tức là hội nhập vào nẻo Thật. Cũng như trăm dòng sông dù mênh mông tràn trề, kéo dài hàng ngàn dặm, cũng không có nơi chốn sau rốt để quy về. Nơi chốn sau rốt để quy về ấy chính là biển cả.

- Sở câu: “Hoặc ở nơi pháp hội mà như đui như điếc”: Là giải thích về tướng thị hiện ấy (Bồ tát theo phương tiện thị hiện Thanh-văn), lược nêu có hai loại: Loại trước tức năm trăm vị ở trong pháp hội chính, hoặc thị hiện ở chỗ tu tập, hành hóa. Loại sau, tức chưa có nơi phần đầu của pháp hội, là sáu ngàn vị Tỳ-kheo.

- Sở câu: “Năm là viển vi”: Là nói đến hàng căn cơ thứ năm được gồm thâu (Bốn hàng căn cơ kia là: Chính vi, kiêm vi, Dẫn vi, và Quyền vi).

Văn nơi bản Sở giải gồm bốn đoạn:

Một: Xác lập Lý, chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Phẩm Xuất Hiện nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Ba: Từ câu: “Ba loại nêu trước chẳng phải là căn cơ thích hợp”: Là kết hợp để thông suốt.

Bốn Từ câu “Lại như trong phẩm kia” tiếp xuống: Nêu rõ xấu ác là đối tượng được gồm thấu.

Đoạn một có thể nhận biết. Đoạn hai, tức văn trong phần nói về lợi ích của Sự thấy nghe nơi phẩm Xuất Hiện. Câu “Ba loại nêu trước chẳng phải là hàng căn cơ thích hợp” là kết hợp để thông suốt. Tức một là chẳng tin, hai là sai trái với chân Lý, ba là đúng với lẽ thật.

Tuy nhiên, loại thứ nhất chính là tà kiến. Loại thứ hai, ba, chẳng phải là tà kiến, nhưng đều thích hợp để đi vào nẻo tà kiến. Tà kiến có hai loại: Nhẹ và nặng. Loại một nêu trên là tà kiến sâu nặng. Loại hai, ba là tà kiến cạn nhẹ. Nghĩa là chỉ sai với Chân, trái với Thật, đều cho là tà kiến. Là do trong kinh chỉ phân biệt rõ hai chốn, nhằm phối hợp với hạng chẳng phải là căn cơ gồm thấu nêu trước, khiến được tận cùng, nên đã hợp nhập trong tà kiến.

Câu “Thứ tư, chẳng phải là hàng căn cơ được gồm thấu”: Tức là hàng Nhị Thừa hẹp hòi, yếu kém đã nêu trước.

Câu: “Nay bốn và năm nêu rõ...” Tức là trong phần nói về đối tượng được gồm thấu (sở vi), loại bốn là Quyền vi, loại năm là Viễn vi, hai loại này chưa từng bị chán bỏ.

- Số từ câu: “Lại nữa, trong phẩm kia” tiếp xuống: Là đoạn thứ bốn, nêu rõ xấu ác là đối tượng được gồm thấu. Đoạn này gồm hai phần:

Một: Chính thức nêu rõ về xấu ác.

Hai: Nêu Sự so sánh về tính chất viên dung.

Nơi phần một cũng gồm hai đoạn:

Một là, nêu dẫn hai đoạn kinh biện minh về Sự việc kia là xấu ác.

Hai là, dẫn hai đoạn kinh, biện minh cùng có Tánh.

Trong phần một mở đầu nói “phẩm kia” tức là văn nơi phần nói về lợi ích của Sự thấy nghe, gần gũi nơi Phật, lợi ích thứ mười, thuộc phẩm Xuất Hiện. Kinh nói: “Phật tử! Ta nay nói rõ với ông, giả như có chúng sinh thấy, nghe nơi Phật, nhưng do nghiệp chướng trói buộc, che phủ nên chẳng phát sinh lòng tin tưởng, vui thích, thì chúng sinh ấy cũng đã gieo trồng thiện căn, không hề uổng phí, cho đến cứu cánh là hội nhập nơi Niết-bàn giải thoát”.

- Sở từ câu: “Nghĩa là hủy báng tuy bị đọa vào đường ác” tiếp xuống: Là giải thích đầy đủ về nghĩa nêu trên. Hủy báng đã có ích, vậy nên hủy báng chẳng? Xin giải thích: Vì là lợi ích có tính chất xa, chẳng phải là không có tội. Cho nên, như “Thiên tử địa ngục”, hoặc do hủy báng mà bị đọa vào địa ngục. Kinh Pháp Hoa, nói về việc hủy báng. Bồ tát Thường Bất Khinh, ngàn kiếp ở nơi địa ngục A Tỳ chịu bao khổ não dữ dội. Tội báo đã hết, mới nhận được Sự giáo hóa của Bồ tát Thường Bất Khinh. Mong rằng hàng hậu học chớ thấy hủy báng có ích mà sinh tâm phỉ báng!

Lại nữa, trong kinh đại Bát-nhã đã nêu giảng rộng về tội của Sự hủy báng chánh pháp. Tức là, kẻ đó bị đọa nơi địa ngục A Tỳ ở phương ấy, cho đến kiếp hoại mà tội báo vẫn chưa hết. Chuyển đến trong địa ngục A Tỳ nơi phương khác, cũng tới kiếp hoại nhưng tội báo ấy vẫn còn. Lại đời đến phương khác nữa. Cứ như thế, lần lượt trải khắp mười phương nơi địa ngục A Tỳ, mỗi phương đều phải trải qua hết kiếp, trở lại sinh trong cõi địa ngục A Tỳ kia nữa. Cho dù ngàn vị Phật xuất hiện ở đời, cứu độ vẫn còn khó khăn. Như muốn nói đủ về sự thọ thân chịu khổ của kẻ kia, thì người nghe phải chết vì không thể nào chịu nổi. Do đấy, khi tôn giả Thiện Hiện xin thuyết giảng về chỗ thọ thân kia, thì đức Như Lai đã không nói! Thế thì biết, việc hủy báng các kinh phương đẳng, tội lỗi ấy thật chẳng phải là nhẹ!

Lại như, Luận thập Đại Thừa, nơi phần kệ của quyển thứ nhất có câu:

*“Phỉ báng pháp Đại thừa  
Nhất định đến nẻo ác  
Kẻ ấy thọ nghiệp báo  
Bậc Thật trí đã nói  
Sanh vào trong địa ngục  
Lửa dữ thiêu đốt thân  
Chịu bao nỗi thống khổ...”*

Nên nơi bản Sở giải viết: “Hủy báng chính là bị đọa nơi cõi ác.”

- Sở câu: “Do đã từng được nghe”: Nghĩa là tội báo nơi cõi ác hết, do ngày xưa trong khi hủy báng chánh pháp, đã từng xem qua kinh điển, huân tập thành chủng tử, nên có được lợi ích.

Nói “Rốt cuộc đã tự tỉnh ngộ” tức như kinh Hoa Nghiêm quyển thứ năm mươi tám nêu: “Song do từng phát tâm Bồ-đề, nên rốt cuộc tự tỉnh ngộ”.

- Sở từ câu: “Lại nói: Như mặt trời cũng tạo lợi ích cho người

mù bầm sinh”: Tiếp xuống: Là thuộc phần văn xuôi trong phần “Thân nghiệp nơi phẩm xuất Hiện. Phần văn trường hàng nêu giảng rộng, ở đây chỉ dẫn kệ. Kệ viết:

*“Như người mù chẳng thấy mặt trời  
Ánh sáng ấy cũng tạo lợi ích  
Khiến biết thời tiết, nhận ăn uống  
Lìa hẳn lo sợ, thân an ổn  
Chúng sinh không tin, không thấy Phật  
Nhưng Phật cũng luôn tạo nghĩa lợi  
Nghe danh hiệu, tiếp xúc ánh sáng  
Nhân đấy dẫn đến chứng Bồ-đề.”*

- Số từ câu: “Lại như, trong dụ về dòng nước ngầm nơi biển cả” tiếp xuống: Là nêu dẫn hai đoạn kinh để biện minh về Tánh cùng có. Phần đầu là nêu về tính chất “có đủ”. Phần sau là làm rõ tính chất “cùng thấy”. Hai đoạn kinh đều thuộc phần nói “ý nghiệp” nơi phẩm Xuất Hiện, trước cũng đã dẫn.

- Số câu: “Ở đây đều nêu rõ có tự tánh, trụ tánh”: Là phần hai, chính thức xác lập về Lý để hiển bày chỗ gồm thâu là tướng viên dung, nêu so sánh để giải thích. Có hai ý:

Một: Nêu phần trước để so sánh với phần sau, làm rõ chỗ hóa độ khắp kia. Nghĩa là, chỉ dựa vào việc chúng sinh cùng có Phật tánh, hãy còn có thể thực hiện khắp, hướng hồ là với “Sự Sự vô ngại” thì có cái gì mà chẳng phải là đối tượng được gồm thâu.

Hai: Nêu cái sau để so sánh với cái trước: Tức là, căn cứ nơi tánh viên dung “một tức là tất cả”, thì cảnh giới của loài vô tình cũng là đối tượng được gồm thâu. Hướng chi, trước cùng có Phật Tánh, đã được phân biệt rõ.

- Nói: “Gồm thâu cả phi tình”: Là do đối tượng được gồm thâu là Hữu tình tức phi tình, một tức tất cả, nên “vô tình” há chẳng phải là hữu tình sao? Hướng hồ, tánh của sắc, tánh của Trí, vốn không hai Thể. Không có phi tình của ngoài Hữu tình. Có thể theo đấy mà nhận xét.

- Giáo Thể Thiển Thâm (Tính chất cạn sâu nơi Thể của giáo pháp).

Văn nơi bản Sở giải của phần thứ năm này gồm ba phần chính:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Giải thích riêng.

Ba: Tóm kết.

Trong phần nêu tổng quát được phân làm ba:

Thứ nhất: Nêu lên. Nói “Cạn sâu”: Tức là trong mười Thể, thì càng lùi về trước thì cạn, càng tiến tới về sau thì càng sâu. Cho nên phần tiếp theo giải thích: “Từ cạn đến sâu. Tuy có cạn sâu, nhưng dung thông thì cùng là Thể của giáo pháp vô tận”.

Thứ hai: Từ câu: “Một là âm thanh” Tiếp xuống nêu ra tên của mười thể, theo văn tự thấy rõ. (Mười thể là):

Một: Âm thanh Ngôn thể (thể của giáo pháp được xét qua khía cạnh âm thanh ngôn ngữ).

Hai: Danh cú văn thân thể (thể của giáo pháp được xét qua cú văn).

Ba: Thông thủ Tứ pháp thể (việc dùng chung bốn pháp là Thanh, danh văn cú.) Ba thể trên thuộc Thể của Năng Thuyên.

Bốn: Thông Nhiếp Sở Thuyên Thể (được xét qua phần thấu tóm chung của sở nơi thể gian.)

Năm: Chủ pháp Hiểu Nghĩa Thể (Có thể Hiểu bày nghĩa Lý của tất cả thể gian.)

Sáu: Nhiếp cảnh duy Tâm thể (được xét qua khía cạnh Nhất tam thấu tóm mọi cảnh.)

Bảy: Hội duyên Nhập Thật thể (được xét qua tính chất Hợp sáu môn trước cùng về một Thật)

Tám: Lý Sự Vô Ngại Thể (được xét qua tính chất Lý chân như) Sự vô ngại các pháp.)

Chín: Sự Sự Vô Ngại Thể. (Được xét qua tính chất Sự Sự Vô Ngại)

Mười: Hải Ấn Bình Hiệן Thể. (Được xét qua nền tảng là Tam Muội Hải Ấn).

Thứ ba: Sở từ câu: “Trong mười Thể thì năm Thể trước chỉ là Thể” tiếp xuống: Là phần ba (của phần nêu tổng quát) phân biệt, nhận xét. Gồm có bốn lớp:

**Lớp một:** Nhận xét phân biệt về Thể tánh. Tướng thì hiện ra nơi bên ngoài, Tánh chính là ở bên trong. Thể là cách gọi chung của Tánh, Tướng. Nếu nói Thể thì chung cho cả Sự Lý. Nếu nói Tánh, thì chỉ căn cứ nơi Lý. Do trong năm Thể sau, như Thể thứ sáu: “Thấu tóm cả cảnh giới chính là Tâm”, nếu theo chân Tâm” thì chung cho Tánh. Thể thứ bảy, chỗ nhập vào thật Thể tức là Tánh. Trong Thể thứ tám thì Lý là Tánh. Trong Thể thứ chín ắt có Lý dung thông Sự. Nơi Thể thứ mười không gì là không gồm đủ, thì đấy là theo Tánh. “Cũng là Thể cũng là Tánh”. Còn nếu căn cứ nơi Sự thì chỉ được gọi là Thể.

**Lớp hai:** Từ câu: “Bốn Thể trước là chung cho Tiểu” tiếp xuống: Là phần nhận xét, phân biệt về đại thừa, tiểu thừa, có thể nhận biết.

**Lớp ba:** Từ câu: “Bảy Thể trước là chung cho cả ba Thừa” tiếp xuống: Là phần nhận xét, phân biệt về ba Thừa, một Thừa. Do “hợp duyên nhập vào Thật quy về một Lý thật” (thể thứ bảy) tức là một Thừa. Nêu ba Thể sau (tám, chín, mười) đều là Nhất Thừa. Theo nghĩa có thể nhận biết.

**Lớp bốn:** Từ câu: “Tám Thể trước là căn cứ nơi tổng giáo” tiếp xuống: Là phần nhận xét phân biệt về mối tương quan giữa đồng giáo, biệt giáo, tức là, Thể thứ bảy, tám, tuy là Nhất Thừa, nhưng Thể thứ bảy thường nêu rõ nghĩa trong Đốn giáo. Thể thứ tám chính là biện minh về nghĩa trong Chung giáo, nên thuộc về đồng giáo. Tám Thể trước đều đồng về mặt nghĩa có thể nhận biết. Đồng giáo đều có, nêu hai Thể chín, mười là “Sự Sự Vô Ngại” và “Hải Ấn Bình Hiện”. Chẳng phải là Biệt giáo Nhất Thừa thì không có nghĩa này. Ở nơi ba lớp nhận biết phân biệt sau (lớp 2,3,4) thì lớp hai không có lớp ba, bốn. Nhưng lớp ba, bốn thì gồm luôn lớp hai.

- Số “Theo trong ba thể trước” tiếp xuống: Là phần chính thứ hai.

Giải thích riêng. Phần này gồm hai:

1. Giải thích kết hợp về ba thể trước (Thể 1,2,3).
2. Giải thích riêng về bảy thể sau.

Một: Do đại, tiểu cùng có những điểm chung cùng Sự dụng bốn pháp: Thanh, Danh, Cú văn, kết hợp. Phần này được phân làm ba: Một là nêu lên cả hai. Hai là giải thích cả đôi. Ba là kết hợp cả đôi.

- Số câu: Từ câu “Ba Thể của Tiểu Thừa” tiếp xuống: Là phần hai (của Phần một) giải thích cả đôi. Trước là giải thích theo Tiểu Thừa. Trong phần này gồm hai:

Một: Trưng dẫn chung (Dẫn Luận Đại Tỳ Bà Sa).

Hai: Từ câu: “Một là...” tiếp xuống: Là giải thích.

Giải thích về ba, đều giải thích của Luận Đại Tỳ Bà Sa (Quyển thứ 126) tức là ba cái riêng.

Một: Nói “Ngữ Nghiệp là Thể”: Là nêu rõ ngôn ngữ tức là âm thanh. Từ câu “Nghĩa là ngôn ngữ của Phật” tiếp xuống: Là hiển bày rõ về tướng. Tức là nêu lên danh hiệu với ngôn từ để phẩm bình, luận bàn.

Nói “Ngữ âm” Nghĩa là như năm âm bậc Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ cũng như mười bốn âm của Tây vực...

Nói “Ngữ Lộ” là nói về nơi chốn vận hành thể hiện của ngôn ngữ.



Luận Du Già Sư Địa, quyển thứ chín mươi ba nói đến “Hữu tình Tăng Ngữ” tức là Ngữ Lộ Nhưng Luận Du Già giải thích về “Tăng Ngữ” có hai nghĩa:

Thứ nhất: Cho Tăng ngữ là Danh (Dựa nơi Sự để tập là Danh). Danh là chủ thể giảng giải, biểu thị, tăng thêm Sự thù thắng nơi ngôn ngữ.

Thứ hai: Cho là nêu bày. Ý thức gọi là tăng ngữ.

Nay tiểu thừa không chọn lấy nơi Danh. Chính là dùng ý thức, là nơi chốn vận hành, thể hiện của ngôn ngữ. Cũng là các căn Sở y để tạo ra ngôn ngữ như môi, lưỡi v.v...

Nói: “Ngữ Nghiệp”: Tức là có cái dụng của nghiệp. Như ngôn ngữ thô ác đã là dụng của nghiệp ác. Ngôn từ thiện của Phật tức là dụng của nghiệp thiện. Cho nên Phẩm Phạm Hạnh viết: “Như ngôn ngữ là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là âm thanh. Còn hơi thở môi lưỡi khép mở, nén, buông, cao thấp, trong đục...” Đây tức là Ngữ Âm, Ngữ Lộ. Lại nói: “Như ngữ nghiệp là phạm hạnh thì nên biết phạm hạnh chính là mọi sinh hoạt thường ngày về, nói năng, thăm hỏi. Nói tóm lược, nói rộng, nói ví dụ, nói trực tiếp, nói lời khen ngợi, nói lời chê bai. Nói thuận theo thế tục, nói lời an ổn, sắp đặt, nói lời thấu đạt, thông suốt”. Đây tức là Ngữ Nghiệp.

Nói “Ngữ biểu”: Biểu cũng là nghiệp. Nhưng biểu có Hữu biểu, Vô biểu khác nhau. Nay, chỉ nói Biểu, tức như luận Đại Tỳ Bà Sa quyển thứ 126 nói: “Chỉ là “Ngữ biểu”, không phải là vô biểu, tức khiến cho người khác sinh Lý giải đúng đắn, là đối tượng chọn lấy của Nhĩ thức...

- Sở câu: “Đó gọi là giáo pháp của Phật”: Là kết luận về phần một. Nêu ra đúng ý ấy. Nay đã rõ Thể của Giáo, mà nói giáo pháp của Phật, là do: 1) Dựa vào tính chất căn bản. 2) Dựa vào tính chất giống nhau. 3) Dựa vào tính chất tùy thuận. Phật dựa nơi bốn pháp là Danh, Cú, Văn, Thân như thế để giảng nói. Nay cũng dựa theo đấy.

- Sở từ câu: “Danh, Cú, Văn kia” tiếp xuống: Là phân biệt rõ về pháp, cũng là nhằm thông suốt chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức trong Luận ấy tự có vấn nạn: “Nếu thế thì, theo như thứ lớp của chỗ nêu giảng, làm thế nào để thông suốt? Nghĩa là, như nói giáo pháp của Phật gọi là pháp gì?” Nói: “Tức là Danh, Cú, Văn, Thân, lần lượt bày biện, sắp đặt, lần lượt liên hợp v.v...” Là đáp lại vấn nạn ấy. Luận có phần thông tỏ ấy. Còn vấn nạn này chỉ lập lại văn của đoạn sau, nên phần Sở giải đã lược bớt.

- Sở câu: “Hai gọi Danh, là Thể” Là giải thích đều giải thích thứ

hai của Luận Đại Tỳ Bà Sa, cho Danh, Cú, Văn, là Thể.

Câu trên là nêu lên. Từ câu “Nghĩa là Danh Thân” tiếp xuống: Là liệt kê tên gọi. Từ câu: “Lần lượt” tiếp xuống: Là giải thích về tướng. Lần lượt giải thích về ba tên gọi nêu trên (Danh, Cú, Văn). Tức là bày biện nơi Danh, sắp đặt ổn định thành Cú. Văn vì có hai chỗ nương tựa, nên gọi là Liên hợp. Tướng riêng của Danh v.v phần tiếp dưới sẽ giải thích.

- Sớ từ câu: “Âm Thanh chỉ là” tiếp xuống: Là phân biệt rõ về pháp, cũng là thông suốt vướng mắc do vấn nạn. Nghĩa là nơi Luận có nêu vấn nạn: “Nếu thế thì chỗ giảng nói của văn ấy làm sao thông tỏ? Như nói giáo pháp của Phật là thế nào?” Đáp: Đó là Phật ngữ. Nói rõ về từ, bình luận, Ngữ âm, Ngữ Lộ, Ngữ Nghiệp, Ngữ Biểu, đấy là giáo pháp của Phật, là đáp lại vấn nạn ấy, Luận có chỗ thông suốt. Cũng do vấn nạn ấy chỉ nhắc lại văn ở trước, nên phần Sớ giải lướt bớt.

- Từ câu “Âm Thanh chỉ dựa nơi nhận được khai triển” tiếp xuống: Là nơi Luận có ví dụ nói: “Như các pháp tắc của con cháu ở đời lần lượt sinh”. Ý nói: Từ cha sinh ra con, thì gọi là con của người cha ấy. Tuy nói tên người cha, nhưng ý ở nơi Thể của con. Lại, con sinh cháu, thì cháu là cháu của ông ấy. Tuy nêu rõ là ông, nhưng ý ở nơi đứa cháu. Cháu như đối với Nghĩa. Con như đối với Danh. Cha như đối với Âm thanh. Tức có ba lớp. Ở giữa là Thể của giáo. Phần sau hợp, cho là Ngôn ngữ đấy khởi danh, Danh có khả năng giảng giải, làm rõ nghĩa. Tức là danh làm Nhân được khai triển.

- Sớ câu: “Ý của nhà bình luận dùng Ngữ nghiệp làm Thể”: Nhà bình luận giải thích: “Nói như thế, Ngữ nghiệp là Thể. Âm thanh của Phật giảng nói, là đối tượng được nghe của người khác.

Nói: “Nhà bình luận” tức chỉ cho Luận Đại Tỳ Bà Sa, tác giả là chư vị La hán cùng tập hợp biên soạn, có bốn vị Đại La Hán, nhà bình luận nghĩa đúng (chính xác). Đó là thế Hữu, Diệu Âm, pháp Cứu và Giác Thiên.

- Sớ câu: “Luận Tạp Tâm đồng với Câu Xá”: Là do luận kia (Luận Tạp Tâm) quyển thứ nhất cũng có kệ ấy, nhưng văn có khác chút ít. Kệ của Luận Tạp tâm Tạp A Tỳ đàm Tâm Luận viết:

*“Nói rộng các pháp uẩn  
Số ấy có tám vạn  
Giới cùng các pháp khác  
Thảy thuộc về năm uẩn.”*

(Kệ nơi luận Câu Xá nêu:

*“Mâu ni nêu pháp uẩn  
Số ấy tám mươi ngàn  
Thể kia, ngữ hoặc danh  
Sắc ấy, Hành uẩn nhiếp”.*)

Phần văn xuôi của Luận Tạng Tâm giải thích: “Tám vạn pháp ấm, đều do Sắc Ấm thâm nhiếp. Do Phật ngữ là tánh Ngữ Nghiệp, nên có Sự nêu giảng. Gọi Tánh thì Hành Ấm thâm nhiếp. Lại, giới ấm thì sắc ấm thâm tóm. Định, Tuệ, thì Hành thâm tóm”. Cho nên so với Luận Câu Xá thì giống nhau.

- Sở từ câu: Luận Câu-xá nói: Tiếp xuống: Là dẫn văn nơi Luận Câu xá. Vì sao, đang ở trong phần nói về Giáo như Danh, Cú, văn, mà lại dẫn chứng như thế? Là do nơi Luận Câu Xá kia, “tình không lấy bỏ”. Hai là nghĩa theo dụng. Cho nên ở đây đã dẫn để chứng minh cả đôi về hai điều nêu trước, đã thuận hợp, cùng thông tỏ, nên phần thứ ba tiếp dưới, dùng bốn pháp làm Thể, nơi văn dễ lãnh hội.

- Sở câu: “Ý trong Luận Chánh Lý, phù hợp với Danh v.v...” Là chính thức làm rõ nghĩa thứ hai. Cho nên Luận kia, quyển thứ ba, gọi là giải thích phần tụng trước xong, tức do Luận Chánh Lý giải thích tổng quát về sáu trăm hàng Tụng nơi Luận Câu Xá, song nghĩa thì thuận theo Lý chính của Đại Tỳ Bà Sa, nên gọi tên là Thuận Chánh Lý (A Tỳ Đạt Ma Thuận Chánh Lý Luận). Nhưng Chánh Lý giải thích bài Tụng trên không khác với Câu Xá. Câu Xá thì “Tình không lấy bỏ”. Chánh Lý thì “Quyết đoán thuộc nơi danh”, ở đây phần Sở giải đã lược bớt..

- Sở từ câu: “Đại thừa có ba” tiếp xuống: Là phần sau của phần giải thích cả đôi, trước là giải thích theo Tiểu Thừa. Nay thì giải thích theo Đại thừa về ba Thể, hai, ba. Văn của bản Sở giải phân làm ba phần:

Một: Nên lên

Hai: Giải thích.

Ba: Từ câu: “Dĩ dư ghi ý (do ý của tôi) tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt rõ.

- Sở từ câu: “Một là: Thâm tóm Giả theo Thật, dùng Thanh làm Thể” tiếp xuống: Là phần thứ hai, giải thích. Ý chung của Đại Thừa cho Thanh là Thật. Danh, Cú, Văn chỉ là Sự giả lập trên Thanh. Theo nghĩa của Đại sư thuộc Kinh Bộ có liên hệ tới Đại Thừa, cũng cho rằng Danh v.v... đã dựa nơi Thanh để giả lập.

- Sở câu: “Một là Khế Kinh v.v...” Là nêu dẫn Kinh Giải Thâm Mật. Quyển thứ năm. Văn dẫn ở đây hơi tóm lược. Đoạn kinh ấy đầy đủ

như sau: “Đức Phật nói với Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi: Này Thiện nam! Tiếng nói của Như Lai tóm lược có ba loại: Một là Khế Kinh, hai là Điều phục, ba là Bản Mẫu”. Phần tiếp theo là giải thích đầy đủ về hình tướng của ba loại vừa nêu (Khế kinh, Điều phục, Bản mẫu). Nay, chỗ nêu dẫn của bản Sở giải, ý chỉ nhằm vào hai chữ Ngôn âm (tiếng nói).

- Sở câu: Luận Tạp Tập (Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận) nói: Nên chỗ nêu dẫn về Thanh tức là tự giảng nói của các Thánh”: cũng là nhằm chứng minh chính Thanh là Thể của giáo pháp, đã cho là Thánh giảng nói là Thanh, tức nêu rõ chẳng phải là Danh v.v... là Thể của Giáo. Nghĩa là luận Tạp Tâm, quyển thứ nhất giải thích về Thanh trần giới của sáu giới bên ngoài, cho rằng: “Thanh là do bốn đại chủng tạo ra. Là nghĩa đối tượng được chọn lấy của nhĩ căn. Hoặc hợp ý, hoặc chẳng hợp ý, hoặc cùng tương phản. Hoặc nhân nhận giữ bốn đại. Hoặc nhân chẳng nhận giữ đại chủng. Hoặc nhân cùng hợp với đại chủng. Hoặc là thứ mà thế gian chung tạo thành. Hoặc là đối tượng được nêu dẫn. Hoặc là đối tượng chấp của Biến kế. Hoặc là đối tượng được thấu tóm của Thánh ngôn. Hoặc chẳng phải là đối tượng được thấu tóm của Thánh ngôn. Mười một thứ thanh như thế, do năm thứ nhân tạo nên. Đó là Tướng, Sự thêm, bớt, nhân sai biệt, nên bày sai biệt, ngôn âm sai biệt. Tướng là nghĩa mà Nhĩ căn giữ lấy. Nêu bày sai biệt tức thứ mà thế gian chung tạo thành. Ba nhân còn lại thì như chỗ ứng hợp của chúng mà nhận biết. Nhân nhận giữ đại chủng là ngôn ngữ tương đồng với âm thanh. Nhân chẳng nhận giữ đại chủng là như cây cối so với âm thanh. Nhân cùng hợp với đại chủng tức là như tay đập gõ cùng với âm thanh khác. Thứ mà thế gian cùng tạo thành tức là đối tượng được thấu tóm nơi ngôn ngữ của thế tục. Đối tượng được nêu dẫn là chỗ giảng nói của các Thánh. Đối tượng chấp của Biến kế tức là mọi thuyết giảng của ngoại đạo. Đối tượng được thấu tóm, chẳng phải đối tượng được thấu tóm của Thánh ngôn là tám thứ ngôn thuyết như dựa nơi chỗ thấy v.v...

Nay bản Sở giải chỉ dẫn về “Thanh là đối tượng được nêu dẫn” (tức chỗ giảng nói của các Thánh) để chứng tỏ Thanh là Thể của Giáo. Song năm nhân thấu tóm mười một Thanh nêu trên, thì nhân đầu là chung, bốn nhân còn lại là riêng. Nhân thêm, bớt (Nhân thứ hai) thấu tóm ba thanh đầu. Hợp ý là Thêm. Chẳng hợp ý là Bớt, cùng tương phản thì chung cho cả hai (Thêm Bớt). Nhân sai biệt thì thấu tóm ba thanh tiếp theo. Nêu bày sai biệt thì thấu tóm ba thanh tiếp theo nữa. Ngôn âm sai biệt thì thấu tóm hai thanh sau cùng, suy xét thì có thể nhận biết.

Nói “Tám thứ ngôn thuyết” là: Tám thứ ngữ của bậc Thánh. Một

là thấy thì nói thấy. Hai là chẳng thấy nói chẳng thấy. Ba là nghe thì nói nghe. Bốn là chẳng nghe nói chẳng nghe. Năm là biết thì nói là biết. Sáu là chẳng biết thì nói chẳng biết. Bảy là hiểu rõ thì nói hiểu rõ. Tám là không hiểu rõ thì nói là không hiểu rõ. Đây tức là đối tượng được thấu tóm của Thánh ngôn. Nếu thấy mà nói chẳng thấy v.v... thì chẳng phải là Thánh ngôn.

- Số câu: “Hai là, do thể theo Dụng, nên Danh v.v... là Thể”: Là dẫn nghĩa nơi văn của Luận. Tức là luận Thành Duy Thức, quyển thứ hai, đả phá chỗ Tiểu Thừa cho Danh v.v... là thật có. Cho nên luận ấy viết: “Lại như, làm sao biết sắc tâm khác Vô thường v.v... là có thật để giảng giải, biểu thị cho Danh, Cú, Văn, Thân? (Luận chủ nêu câu hỏi). Là do khế kinh nói. Như khế kinh nói Phật có được Danh, Cú, Văn, Thân hy hữu (người ngoài đáp). Nhưng kinh ấy không nói là khác sắc, Tâm v.v... có thật Danh v.v... là chứng cứ chẳng thành”, (Luận chủ bác bỏ). Phần tiếp theo là đả phá khắp, xong thì kết luận, nói: “Ngữ chẳng khác với năng thuyên, người, trời cùng rõ. Chấp cho năng thuyên khác với ngôn ngữ thì Sự thọ nhận của chư thiên chẳng phải là phần còn lại.” Phần sau, bàn rộng về nghĩa chính, nêu: “Nhưng dựa nơi âm thanh của ngôn ngữ để phân ra thứ bậc sai biệt mà giả lập Danh, Cú, Văn, Thân. Danh nêu giảng về tự tánh. Cú nêu giảng về Sự sai biệt. Văn tức là chữ, là hai đối tượng được nương tựa. Ba cái ấy lia Thanh, tuy không có Thể riêng, nhưng giả thật khác nhau, nêu cũng chẳng là Thanh, do pháp, từ là hai “vô ngại giải”. Cảnh có sai biệt, nên Thanh cùng với Danh, Cú, Văn là do uẩn, giới, xứ thấu tóm, cũng đều có chỗ khác nhau.”

Ở trên là văn của luận. Dựa theo chỗ giải thích của luận ấy, thì Tát Bà Đa (Hữu bộ) tuy có Danh do Thanh hiển bày, phát sinh, hai nghĩa, mà Luận chủ đã dùng Sự phát sinh đả phá Sự hiển bày.

- Số từ câu: “Luận Vô tánh” tiếp xuống: có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Luận Thành Duy Thức quyển thứ hai”, tiếp xuống đến “pháp từ vô ngại, cảnh ứng hợp không khác”: Là lời thuật lại rằng, người ngoài nêu câu hỏi: “Nếu Danh, Cú, Văn, là Thanh, pháp, Từ là hai “Vô ngại giải” thì cảnh có Sự sai biệt gì?” Đáp: Đây tức là duyên nên hai cảnh có khác nhau. “pháp vô ngại giải” duyên với Danh... giả. “Từ vô ngại giải” duyên với Thanh thật v.v... Nên nói cảnh sai biệt, chẳng phải là cả hai cùng hợp. Duyên với thật tuy hai tự tánh nhưng hỗ tương chẳng phải là cả hai cùng hợp. Duyên với thật tuy hai tự tánh cùng chẳng lia nhau. Pháp đối với sở thuyên, nên chỉ chọn lấy Danh. Từ thì hầu hết là đối với căn cơ, nên chỉ nói về Thanh. Tai nghe Thanh

xong, ý lãnh hội nghĩa, do chỗ đối hợp chẳng giống nhau, nên nói hai thứ có khác, chẳng phải là Thể có khác. Lại, hai cảnh ấy và Danh, Cú, Văn, cùng với Thanh riêng nhau, uẩn xứ giới thân tóm cũng có khác. Cho nên sắc uẩn, hành uẩn, thanh xứ, pháp xứ, thanh giới, pháp giới, theo như thứ lớp ấy, thân tóm Thanh, Danh v.v...

- Sở câu: “Luận Duy Thức nói: Ba cái ấy (Danh, Cú, Văn,) lia thanh...” cho đến câu “Cũng chẳng tức Thanh”: Là lời thuật nêu: “Ba là nêu rõ chẳng tức Thanh, chẳng lia Thanh”. Luận chỉ đáp lại vấn nạn ấy, cho là, trước đã có người nêu câu hỏi: “Trước nay, tuy có Danh, Cú, Văn tức là Thanh. Nếu Danh v.v... là Hành bất tương ứng, thì tính chất phức tạp, chi li trên sắc chẳng phải là bất tương ứng, thì Danh do đâu được như vậy? Nên ở đây đáp rằng: ba cái đó lia thanh, tuy không có thể riêng, nhưng Danh, Cú, Văn là giả lập, thanh thì thật có, giả thật khác nhau, nên Danh, Cú, Văn chẳng phải tức là Thanh, chẳng phải là đối tượng được thân tóm của Thanh, chỉ là Thanh của Sự sai biệt. Nghĩa là nói Danh, Cú, Văn, để tuyên bày nghĩa nên chẳng tương ứng, không làm phát sinh chứng tử riêng. Do đấy, gọi là “chẳng tức Thanh”.

- Sở câu: “Kinh Giải Thân Mật, quyển thứ tư” đến câu “Nhưng có thể nêu giảng rõ”: (Nhi năng thuyết Cố): Văn của kinh không có chữ Cố (?) Tiếp theo chữ “Thuyết” của câu kinh được dẫn là đoạn: “Do đó, ta dựa nơi Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có khả năng chọn lấy tánh của các pháp là không tự tánh.” Ý nói là nhờ văn tự Bát-nhã nên có thể làm hiển bày thật tướng Bát-nhã. Đã hai lần nhắc lại ngôn thuyết, văn tự, thì biết rõ là bốn pháp đã được dụng chung.

Phần tiếp theo dẫn kinh Tịnh Danh, cũng văn nơi phẩm Hương Tích, quyển thứ ba. Trong phần dẫn luận Thập Địa có nói đến âm thanh tức là Thanh, chữ âm tức là Danh, Cú, Văn. Cho nên phần kế tiếp nêu hai dụ về gió và nét vẽ. Gió dụ cho âm thanh, nét vẽ thì dụ cho Danh, Cú, Văn, nghĩa như phần sau giải thích.

- Sở từ câu: “Do theo ý của tôi” tiếp xuống: Là phần Ba (của phần giải thích Ba Thể đầu theo đại thừa) nhận định, phân biệt rõ.

Được chia làm hai: Trước là song song lãnh vực bốn pháp của Đại và Tiểu thừa. Sau là lãnh hội sự khác nhau. phần trước lại phân làm hai:

Một: Nêu trực tiếp về ý chính Ý. Đó là chọn lấy cả hai.

Hai: Từ câu: “Như dựa theo” tiếp xuống: Là hợp chung hai phần trước. Trong phần này gồm năm ý:

Thứ nhất: Chính thức nêu rõ việc lấy, bỏ.

Thứ hai: Từ câu: “Chính do” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do.

Thứ ba: Từ câu: “Sách vở tuy là sắc...” tiếp xuống: Là ngăn chặn Sự vướng chấp do vấn nạn...

Thứ tư: “Kinh Tịnh Danh nêu trước” tiếp xuống: Là hợp chung về văn phần trước. Chỉ nói về chỗ được dùng tức sử dụng bốn pháp.

Hỏi: Nếu trong bốn pháp ấy, tùy theo đấy chọn lấy thì chỉ chọn lấy Danh v.v... há chẳng là trái với văn nơi Duy Thức, lìa thanh riêng có, chẳng phải là nghĩa chính chẳng?

Đáp: Trường hợp kia chẳng lìa thanh, chỉ là giả thật hợp mà nói. Nay chẳng lìa sắc, giả thật cũng đều còn, chưa trái với Lý chung.

- Sở từ câu: “Kinh Nhân Vương nêu” tiếp xuống: Là ý thứ năm, dẫn chứng để thành lập. Đã chỉ là gọi Danh Cú Vị, không gọi là âm thanh, tức nêu rõ chỉ chọn lấy Danh v.v... đây tức là Kinh Nhân Vương, phẩm Quán Không. Văn được nêu dẫn có tính chất tóm lược...

- Sở từ câu: “Tuy nhiên các tông của Đại thừa, Tiểu thừa” tiếp xuống: Là phần thứ ba (của phần giải thích kết hợp về ba thể trước), kết hợp chung về bốn pháp (Thanh, Danh, Cú, Văn). Do Đại thừa, Tiểu thừa không giống nhau, nên hoặc cho bốn pháp đều chẳng phải là Thật, tức là nghĩa của giáo thứ nhất, cho Danh v.v... là giả có, Thanh là Sự biến đổi của tâm. Hoặc cho bốn pháp đều như là không. Ở đây có hai nghĩa: Một: Không là môn đầu tiên, tức thuộc về giáo thứ nhất. Hai: Không là các tướng tức thì vắng lặng, tức thuộc về Đốn giáo. Nay chính là hợp với tính chất Đốn. Mà nêu dẫn ba kinh, đều tạo nên nghĩa về Đốn.

Thứ nhất: Dẫn kinh Tịnh Danh, tức phẩm Đệ Tử, chương Tu bồ đề. Do tôn giả Tu bồ đề bị cư sĩ Duy-ma-cật biện giải, trách cứ, nên để bình bát lại mà đi ra khỏi nhà của đại sĩ. Duy-ma-cật nói: “Đại thừa Tôn giả Tu bồ đề! Xin ông Tôn giả cứ lấy bình bát, chớ có sợ hãi. Theo ý của Tôn giả thì sao? Nếu đức Như Lai tạo ra nhân vật biến hóa, đem những điều trên đây chấp vấn Tôn giả thì Tôn giả có nên sợ không?” Con đáp là không sợ (Lời của Tu-bồ-đề nói với đức Phật). Duy-ma-cật nói: Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, Tôn giả nay chẳng nên sợ hãi. Vì sao? Là vì mọi Sự nói năng không lìa tướng huyễn hóa ấy. Đến như người có trí thì không vướng mắc nơi văn tự, nên không sợ gì cả. Tại sao thế? Vì tánh của văn tự là tách lìa, không còn vướng mắc nơi văn tự thì tức là giải thoát. Tướng của giải thoát thì tức là các pháp”. Đây là nêu rõ về “Tức ngôn” là “vong ngôn”, ý chung cho cả Viên, Đốn.

Thứ hai: Dẫn “Thập Địa kinh luận”: Do gió, nét vẽ hợp với không đều chẳng thể chấp giữ. Do ngôn, giáo ấy cùng với Trí chứng đắc cùng

tương ứng, nên chẳng giống như Gió ở nơi cây lá, nét vẽ còn giữ nơi bức tường, chỉ dựa theo con đường của giáo pháp thì có thể thấy, nghe.

Thứ ba: Dẫn kinh Phật Tạng, cũng nhằm làm rõ nghĩa về Đốn. Đoạn dẫn thuộc phẩm niệm Phật, quyển thứ nhất, cũng là tóm lấy ý để nêu dẫn... phần tiếp theo lại nói: “Các Phật rốt ráo là không...” cũng là tóm lấy ý. Đoạn Kinh ấy đầy đủ là: “Thế nào gọi là thật tướng của các pháp? Đó là các pháp rốt ráo là không, không thật có. Do tính chất rốt ráo là không ấy, mà cũng không thật có pháp niệm Phật. Lại nữa, trong pháp như thế, thậm chí một chút niệm hãy còn chẳng thể nắm bắt được. Đó gọi là niệm Phật”.

- Sở câu: “Có chỗ cho rằng, bốn pháp đều là Sự Lý vô ngại” tức là ý của Chung giáo. Câu tiếp theo tức là ý của Viên giáo.

- Thể thứ tư là: Sở thuyên thâu tóm chung.

- Sở câu: “Dựa nơi sáu văn để hiển bày mười nghĩa” tức Luận Du Già quyển tám mươi mốt nói: “Sáu văn là (Văn là đối tượng được nương tựa, Nghĩa là chủ thể nương tựa): Danh, Cú, Chữ, Lời, Hành tướng và Sự thỉnh cầu của căn cơ. Mười nghĩa là: Cõi, tướng, tác ý, nơi nương tựa, lỗi lầm, hơn kém, chỗ đối hợp, chủ thể xử Lý, tóm lược và diễn rộng. Theo đây có thể nhận biết.

Sáu văn và mười nghĩa nêu trên biện giải rõ tính chất thâu tóm chung nơi Sở Thuyên.

- Sở từ câu: “Ở đây nêu rõ giáo, nghĩa cùng thành tựu” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của việc Sở Thuyên thâu tóm chung.

- Sở từ câu: “Lại như luận Du Già nói” tiếp xuống: Là lại thâu gồm chung về chủ thể-đối tượng. Tức có ba lớp chủ thể-đối tượng:

Một: Phật là chủ thể thuyết giảng, thì âm thanh... đều là đối tượng được thuyết ra.

Hai: Ngôn ngữ là chủ thể thuyết giảng, thì danh... là đối tượng được nêu giảng. Do dựa nơi ngôn ngữ để hiển bày chỗ phức tạp, sâu xa.

Ba: Bốn pháp đều là chủ thể giảng giải (Năng thuyên) thì nghĩa nêu trước là Sở thuyên (ý nghĩa-hàm chứa trong câu, lời). Cho nên đều là chọn lấy chung.

Phần tiếp theo đối với phần trước để phân biệt rõ. Trong ấy có hai nghĩa: Một là chung nơi Sở thuyên thì hướng tới phần dưới để chọn lấy. Hai là chung nơi thuyết giảng thì hướng về phần trên để chọn lấy. Cho nên nói là “đều chọn lấy chung”. “Chẳng giống với nghĩa trước, nhất quyết chọn lấy Danh v.v...” nên cho là “Đối tượng được thuyết giảng”.

- Sở “Thể thứ năm là: Các pháp hiển bày nghĩa trong thể”: Trong



phần này được chia làm ba:

1. Nêu lên.
2. Dẫn chứng.
3. Tóm kết, giải thích.

Một: Nêu rõ để giải thích tóm lược. Thanh có thể hiển bày Nghĩa, nên thanh gọi là Thể của Giáo.

- Sở từ câu: “Kinh Tịnh Danh, quyển thứ ba nói” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn chứng. Lược dẫn hai Kinh.

Kinh Tịnh Danh là quyển thứ ba, phẩm Bồ Tát Hạnh. Nhân Tôn giả A nan nghe có mùi thơm, mà trước đây chưa từng có, nên thưa hỏi đến Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo đấy là do Tôn giả Tịnh Danh lấy cơ nơi Phật Hương Tích. Nhân hỏi cơ ấy bao lâu mới tiêu. Nhân tức là nêu câu hỏi. “Tôn giả A nan thưa với Phật: Thật là chưa từng có! Bạch đức Thế Tôn! Cơ thơm như thế là có khả năng làm được Phật Sự! Phật nói này Tôn giả A nan! Đúng như vậy! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng của Phật mà làm phận Sự. Có cõi dùng chư vị Bồ tát để làm phận Sự. Có cõi lấy cây Bồ-đề mà làm Phận Sự. Có thế giới lấy ý phục, đồ nằm mà làm Phật Sự. Có cõi dùng thức ăn uống để làm Phật Sự. Có thế giới dùng vườn rừng, lầu đài mà làm Phận Sự. Có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo để làm Phật Sự, có thế giới lấy thân Phật mà làm Phật Sự. Có thế giới dùng hư không để làm Phận Sự. Chúng sinh thích ứng với những duyên ấy mà được hội nhập nơi chánh pháp. Có thế giới lấy mộng, huyền thuật, hình ảnh, tiếng vang, bóng trong gương, trăng trong nước, sóng nắng, các thứ ví dụ như thế mà làm Phật Sự. Có thế giới lấy âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật Sự. Có cõi Phật thanh tịnh lấy Sự vắng lặng, không nói năng, không chỉ bảo, không nêu bày mà làm Phật Sự. Như thế đấy, này Tôn giả A nan! Oai nghi của chư Phật với mọi cử động tới lui ngừng nghỉ, không gì là không Phật Sự. Này Tôn giả A nan! Ma quân có bốn loại, phiền não có tám vạn bốn ngàn thứ, chúng sinh do đấy nên khốn khổ, còn chư Phật thì dùng chính các thứ ấy mà làm Phật Sự. Đó gọi là hội nhập tất cả pháp môn của chư Phật. Bồ tát nhập được nơi pháp môn ấy thì thấy mọi cõi Phật thanh tịnh tốt đẹp không vui mừng, không tham đắm, không kiêu mạn. Hoặc nếu thấy các cõi Phật chẳng thanh tịnh thì cũng chẳng lo buồn, không bị trở ngại, không thối chuyển...”.

Nay bản Sở giải chỉ tóm lược mà nêu dẫn.

Đại sư Đạo Sinh nói: “Như dùng thuốc không đúng chỗ thì thuốc trở thành chất độc hại. Còn như đạt được chỗ thích hợp thì chất độc hại

là thuốc”.

Do đấy mà bậc đại Thánh chính là y vương của tâm bệnh, mọi Sự tiếp xúc, hiện bày đều là thuốc hay của pháp. Ví như đạt được chỗ thích hợp thì mọi việc đều thành tựu đầy đủ. Bồ tát đã hội nhập pháp môn ấy thì biết rõ cõi Phật vốn dựa theo nghĩa ứng hợp tốt xấu ở nơi chỗ ứng hợp ấy, đối với mình há có Sự khác biệt! Chỗ đáng quý chính là Sự thích hợp, chỉ nhằm thích ứng với chỗ nương cậy của chúng sinh.

- Sơ câu: “Lại như kinh Lăng Già, bản dịch gồm mười quyển, quyển thứ tư có đoạn”: Là nêu dẫn kinh Lăng Già. Văn được dẫn hơn rộng, ý thì không khác với nghĩa nơi bản dịch gồm bốn quyển (do đại sư Cầu-na Bạt-đà-la dịch vào đời Lưu Tống. Bản dịch gồm mười quyển là do đại sư Bồ-đề-lưu-chi dịch vào đời Hậu Ngụy). Nếu là bản dịch gồm bốn quyển, thì đoạn kinh ấy gồm quyển thứ hai: “Bồ tát Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng phải là ngôn thuyết hữu tánh, là có tất cả pháp chăng? Thế Tôn! Nếu Vô tánh thì ngôn thuyết chẳng sinh, cho nên ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả pháp.

Phật bảo Bồ tát Đại Tuệ: “Vô tánh mà tạo ra ngôn thuyết, tức như lông rùa sừng thỏ, là ngôn thuyết hiện hữu của thế gian...”. Lại nói: “Này Đại Tuệ! Chẳng phải là tất cả các quốc độ đều có ngôn thuyết. Ngôn thuyết chỉ là Sự tạo tác. Hoặc có cõi Phật dùng Sự nhìn ngắm để hiển bày pháp. Hoặc có cõi Phật tạo ra hình tướng, hoặc nương mảy, hoặc chớp mắt, hoặc hà hơi, hoặc thổi, hoặc tăng hắng, hoặc nhớ nghĩ về cõi nước, hoặc lay động, các cõi Phật ấy đều chẳng nhờ ngôn thuyết mà hiển bày các pháp. Này Đại Tuệ! Như thế giới Hương Tích cùng cõi nước của Như Lai Phổ Hiền, chỉ dùng Sự nhìn ngắm, khiến chư vị Bồ tát đạt được pháp nhãn vô sinh cùng pháp Tam-muội thù thắng. Cho nên chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả các pháp. Này Đại Tuệ! Như ông đã thấy, các loại ruồi, nhặng, trùng, kiến trong thế giới này, những loại chúng sinh đó không có ngôn thuyết, mà đều làm xong mọi việc của chúng”.

**Giải thích:** Đoạn Kinh được nêu dẫn trên chứng tỏ Sự nhận thức đều là giáo pháp. Nhưng ý của kinh Lăng Già gồm luôn việc loại trừ ngôn ngữ của các pháp, suy xét thì có thể nhận biết. Ý nơi bản dịch gồm mười quyển đại thể cũng giống như ở đây.

- Sơ từ câu: “Lại nữa thế giới Hương Tích” tiếp xuống: Là phần ba (của thể thứ năm) tóm kết, giải thích ý chính. Gồm ba phần:

1. Nêu dẫn so sánh về Sự gồm thâu chung.
2. Tóm kết đầy đủ về chỗ giảng nói, lãnh hội.

### 3. Nêu đối chiếu với kinh này. (Kinh Hoa Nghiêm).

Một: Gồm có việc căn cứ nơi Kinh sách trong ngoài. Thế giới Hương Tích với cơm thơm tỏa khắp mà pháp Tam muội được hiển bày, cũng là ý nơi kinh Tịnh Danh, phẩm Hương Tích. Văn được nêu dẫn ở đây với văn dẫn trước cùng có Sự tóm lược của hai để bổ sung. Trước nói về sắc xúc, này thì biện giải về hương và vị, khiến cả sáu trần đều làm Phật Sự. Cho nên kinh nói: “Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật hỏi chư vị Bồ tát Hương Tích: Đức Như Lai ở cõi ấy thuyết pháp bằng phương tiện gì? Các vị Bồ tát đó thưa: Đức Như Lai ở cõi nước của chúng tôi không dùng văn tự để thuyết giảng, chỉ dùng các hương thơm khiến cho chư thiên, người đều được hội nhập nơi chánh pháp. Chư vị Bồ tát, mỗi mỗi vị đều an tọa cạnh gốc cây hương thơm, lãnh hội hương thơm vi diệu ấy, thì đạt được pháp Tam muội Nhất Thiết Đức Tạng. Đạt được pháp Tam muội này thì mọi công đức hiện có của Bồ tát thấy đều viên mãn”.

**Giải thích:** Đây tức là dùng hương thơm để hiển bày pháp tam muội. Lại như văn của kinh nơi đoạn trước nêu: “Và chư vị Bồ tát mới cùng an tọa thọ thực. Có các vị Thiên tử, đều hiệu là Hương Nghiêm, thấy phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề”. Tức là lợi ích của Sự thọ thực hương vị. Thêm nữa, trong phẩm Bồ tát sau đây nêu rõ việc cơm thơm kia ăn vào thì bao lâu mới tiêu? “Hàng Thanh-văn chưa nhập chánh vị, ăn cơm này thì nhập nơi chánh vị, sau đây cơm mới tiêu.” Lại nói: “Đã phát tâm tu tập pháp Đại thừa, ăn cơm này, đạt được pháp nhãn vô sinh, sau đây cơm mới tiêu.

**Giải thích:** Đây tức là mùi vị làm Phật Sự, văn nơi bản Sở giải gồm thâm chung ý của kinh, bao hàm căn cứ ở hai nơi kinh văn.

- Sở câu: “Cõi nước Cực lạc, nghe gió thổi nơi cành cây mà chánh niệm được thành tựu”: Tức là nói về kinh A Di Đà. Kinh viết: “Này Trưởng lão Xá-lợi-phất! Nơi cõi nước Cực lạc, có gió thổi nhẹ làm lay động các hàng cây báu, cùng các lớp lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn thứ âm nhạc cùng lúc tấu lên. Người nghe được âm thanh ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm pháp, niệm Tăng. Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực lạc đã thành tựu các công đức trang nghiêm như vậy.” Dem Kinh đối chiếu với sở, nghĩa nơi văn đều có thể nhận biết.

- Sở câu: “Âm nhạc có thể dùng để truyền tâm”: Là căn cứ ở sách ngoài, những sự việc trong sách sử ký, gồm có nhiều Sự tích. Tức như ánh trăng hiện ra truyền ý nơi vua Tần, quả nhiên thoát khỏi bàn tay thích khách của Kinh Kha. Tư Mã Tương Như gởi âm thanh nơi nàng Trác Văn Quân, rốt cuộc có việc đi theo tiếng lòng của người thiếu phụ

ấy. Trời Đế Thích có vị quan coi về pháp nhạc, thì Bồ tát Mã Minh cũng có tài riêng về tiếng đàn tiếng sáo. Đấy đều là “âm nhạc truyền tâm” cả.

- Sở câu: “Tận mắt thấy được thì như đạo mãi còn”: Tức là Sự việc trong sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử (Ngoại Thiên, Thiên Điền Tử Phượng): “Khổng Phu Tử muốn gặp Ông Bá Tuyết Tử, đã lâu chẳng được gặp. Đến khi gặp thì chỉ im lặng, không nói một lời. Lúc trở ra, Tử Lộ cho là lạ, nên hỏi: Từ lâu thầy muốn gặp ông Bá Tuyết Tử, sao bây giờ cùng gặp thì im lặng không nói gì cả? Khổng tử đáp: Như con người ấy thì chỉ thấy tận mắt là như đạo mãi còn. Cũng không thể dùng âm thanh để dung nạp.”

Hai Sở từ câu: “Đã cho lời nói im lặng, nhìn thấy, liếc mắt” tiếp xuống: Là phần hai, tóm kết đầy đủ về Sự nêu giảng, lãnh hội.

Câu “Lời nói, im lặng, nhìn thấy, liếc mắt, đều không là nêu giảng” là hiển bày nghĩa sau. Sự biết gồm thân cả ba căn là mũi, lưỡi và thân. Ở trên đã có sáu trần đều nêu giảng, thì ở đây nói sáu căn đều lãnh hội.

- Sở từ câu: “Giả như có thể đạt được Sự khế hợp thần diệu của pháp”: Là giải thích nghĩa lãnh hội ấy. Trên thì chỉ rõ chủ thể hiển bày pháp là nêu giảng. Còn đây thì chỉ rõ khả năng đạt được pháp là lãnh hội.

Ba Sở từ câu: “Huống chi kinh Hoa Nghiêm” tiếp xuống: Là phần ba, nêu Sự đối chiếu về Nhất thừa. Phần trên là chung cho hai giáo trong ngoài của ba thừa đều có Lý ấy, huống chi đối với Hoa Nghiêm là tông chỉ của Viên giáo Nhất thừa, thì pháp nào chẳng phải là Giáo. Ở đây có bốn chi tiết:

Một: Nêu rõ Sự vật thuyết pháp: Nói “Đài mây lưới báu”: Tức nơi kinh Thập Địa có đoạn: “Bấy giờ đức Thế Tôn, từ chạng giữa đôi lông mày phóng ra luồng hào quang thanh tịnh...” cho đến đoạn: “Lại cũng soi sáng cả thế giới Sa-bà. Phật, đại chúng cùng thế giới Kim Cang Tạng, đều an tọa nơi tòa sư tử xong. Lúc này trên không trung tạo thành một vòm lưới ánh sáng như đài mây. Do diệu lực từ uy thần của chư Phật, nên từ trong đài mây với vòm ánh sáng lớn lao kia phát ra lời tụng:

*“Phật không gì hơn như hư không  
Vô lượng công đức khắp mười phương  
Bậc tối thượng trong mọi thế gian  
Pháp bậc Thích Sư Tử thể hiện.”*

Lại nói về “lưới báu” tức như kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ nhất,

có đoạn: “Tòa sư tử ấy, ngọc Ma ni làm đài, hoa sen làm lưới”. Đoạn dưới nói: “Lại nhờ uy lực của chư Phật hộ trì, nên giảng nói về cảnh giới rộng lớn của Như Lai...”. Nói về “Mây”, thì như kinh Hoa Nghiêm quyển thứ sáu, nơi phần đầu, ở trong vô số các đám mây được chư Bồ tát cùng hiện lên để cúng dường Phật, tự nhiên phát ra âm thanh thuyết pháp.

- Số câu: “Lỗ chân lông, ánh sáng đều có thể thuyết giảng chánh pháp”: Tức như kinh Thập Địa nêu trên cũng nói tới ánh sáng thuyết pháp. Lại như phẩm Thập Địa (kinh Hoa Nghiêm). Địa thứ chín nêu rõ: “Hoặc khi tâm muốn phóng ra ánh sáng lớn diễn nói các pháp môn, ở trên thân tướng, nơi mỗi mỗi lỗ chân long đều diễn nói pháp âm”.

Hoặc nơi phẩm Hiện Tướng có đoạn: “Bấy giờ, chư vị Bồ tát, từ trong ánh hào quang, cùng lúc phát ra âm thanh, nói bài tụng:

*“Trong ánh hào quang phát diệu âm  
Biển khắp mười phương, hết thấy cõi  
Diễn nói các công đức Phật tử  
Hội nhập đạo vì diệu Bồ-đề”.*

Hoặc nơi phẩm Thập pháp Giới, phần đầu, chư vị Bồ tát ở phương dưới cùng vân tập đến pháp hội, “Có Bồ tát tên là Phá Nhất Thiết Chương Dũng Mãnh Trí Tràng Vương, cùng với số lượng Bồ tát nhiều như số hạt bụi trong biển thế giới, đều đi đến chỗ Phật. Ở trong tất cả lỗ chân lông nơi thân tướng của chư vị, thấy phát ra vô số âm thanh nơi biển ngôn ngữ của tất cả chúng sanh, phát ra vô số vô lượng âm thanh nơi biển phương tiện tu tập của Bồ tát trong ba đời...”.

Vấn được nêu dẫn như trên là khá nhiều.

\* Hai: Số câu: “Hoa, hương, mây, cây tức là pháp môn của pháp giới”: Là chi tiết thứ hai, biện minh về “tức Sự là pháp”, đầu con chuyện luận bàn, do đã có Huyền môn “Thác Sự Hiện pháp Sanh Giải”. (Nhờ nơi Sự hiển bày pháp, phát sinh lãnh hội)

\* Ba: Số câu: “Cõi nước, chúng sanh, là thể chính của mười thân gốc”: Là chi tiết thứ ba, nêu rõ: “Tức Sự là chủ thể nêu giảng”, đầu chỉ có người mới hiển bày pháp. Cõi nước là “Quốc độ thân”. Chúng sanh tức là “chúng sanh thân”. Mười thân, lược nêu hai thân, dùng hai thân ấy là phần kém, hãy còn “tức là mười thân”, hướng hồ phần còn lại đều là hơn.

Câu: “Thì cái gì chẳng phải là giáo”: Là chính thức tóm kết đầy đủ. Ấy còn tức là chủ thể nêu giảng, hướng chi chẳng phải là Thể của Giáo.